

VIETNAMESE VILLAGES AND URBANIZATION IN CONTEMPORARY RURAL NOVELS

Hoang Thi Kim Oanh

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: hoangthikimoanh@dvttdt.edu.vn

Received: 10/7/2025

Reviewed: 12/7/2025

Revised: 20/7/2025

Accepted: 24/7/2025

Released: 31/7/2025

The rapid urbanization process following the Doi Moi (Renovation) period has brought profound changes to rural life in Vietnam, leaving significant imprints on contemporary literature, especially rural-themed novels. Vietnamese villages, once symbols of stability and tradition, are now fraught with cultural conflicts and tension between old and new values, between identity and transformation. This paper examined several representative rural novels from the first two decades of the 21st century, highlighting how authors reflect the urbanization process's impact on the Vietnamese village-not only in socio-economic structures but also in cultural depth and community consciousness. The study contributed to shedding light on the transformation of Vietnamese rural spaces in the current context of rural urbanization.

Keywords: Vietnamese village; Urbanization; Novel; Contemporary rural; Vietnamese literature.

1. Giới thiệu

Đô thị hóa nông thôn là một xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển hiện đại, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên phạm vi toàn cầu, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển ở châu Á. Ở Việt Nam, kể từ sau công cuộc Đổi mới, làn sóng đô thị hóa đã tác động sâu sắc đến diện mạo làng quê, làm thay đổi diện mạo kinh tế, xã hội và văn hóa của nông thôn truyền thống. Nhiều làng mạc truyền thống đã được quy hoạch, mở rộng và dần chuyển mình thành thị trấn, đô thị; người dân từ chỗ gắn bó với ruộng đồng đã trở thành chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, hoặc chuyển sang làm công nhân trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, trung tâm dịch vụ mọc lên ở khắp nơi. Tuy nhiên, cùng với những thay đổi tích cực, quá trình đô thị hóa cũng đặt ra không ít thách thức, nhất là khi tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa song hành với phát triển bền vững. Những tác động tiêu cực từ mặt trái của đô thị hóa và cơ chế thị trường. Sự trỗi dậy của kinh tế thị trường, sự bùng nổ của các khu công nghiệp, dịch vụ và hạ tầng đô thị kéo theo hàng loạt hệ lụy: mất đất sản xuất, giãn dân, đền bù thiếu công bằng, nguy cơ mai một các thiết chế văn hóa truyền thống, khủng hoảng giá trị văn hóa, suy giảm đạo đức cộng đồng.

Trong bối cảnh đó, người nông dân - nhân vật trung tâm của làng Việt - không còn chỉ gắn bó với ruộng đồng mà bị cuốn vào dòng chảy đầy biến động của thời cuộc, mang theo bao lo toan, giằng xé và cả đánh mất. Không gian làng từng là biểu tượng của sự gắn kết cộng đồng và lưu giữ bản sắc dân tộc dần trở thành nơi diễn ra những va đập khốc liệt giữa cũ và mới, truyền thống và hiện đại, bản sắc và tha hóa.

Chính những chuyển biến dữ dội ấy đã thâm nhập vào văn học đương đại, đặc biệt là các tiểu thuyết viết về đề tài nông thôn. Không gian làng quê trong văn chương hiện đại không còn là miền ký ức thanh bình mà trở thành phong nền cho những xung đột xã hội, văn hóa và con người trong quá trình đô thị hóa. Qua loạt tác phẩm tiêu biểu trong khoảng hai thập niên đầu thế kỷ XXI như *Người giữ đình làng* (Dương Duy Ngừ), *Ngư phủ*, *Gia phả của đất* (Hoàng Minh Tường), *Dòng sông Mía* (Đào Thắng), *Ao bèo gợn sóng* (Lê Trung Tiết), *Ma làng*, *Ông Mãnh về làng* (Trịnh Thanh Phong), *Giã biệt bóng tối* (Tạ Duy Anh), *Thần thánh và bướm bướm* (Đỗ Minh Tuấn), *Cổng làng* (Nguyễn Thanh Cải), *Bóng của cây sồi* (Đỗ Bích Thúy), *Chảy qua bóng tối* (Đỗ Phấn), *Ngày mai sương muối* (Trương Tư Tần Quỳnh)... , người đọc có thể cảm nhận rõ những vấn đề mang tính thời sự mà các nhà văn đã đặt ra về vận mệnh làng Việt: Làng sẽ đi về đâu trong tiến trình đô thị hóa? Những giá trị văn hóa truyền thống nào được giữ lại, giá trị nào đang mai một? Và người nông dân phải làm gì để không đánh mất chính mình giữa cơn lốc đô thị hóa? Bài viết tập trung khảo sát những biểu hiện của quá trình đô thị hóa làng quê trong tiểu thuyết nông thôn đương đại, qua đó nhận diện những biến đổi về không gian sống, bản sắc cộng đồng và chiều sâu tâm thức con người trong giai đoạn chuyển mình đầy thử thách của nông thôn Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Sáng tác về đề tài nông thôn luôn thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và phê bình văn học Việt Nam từ trước đến nay. Từ các sáng tác của các nhà văn trước Cách mạng như Phạm Duy Tốn, Hồ Biểu Chánh, Ngô Tất Tố, Trần Tiêu, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Bùi Hiên, Kim Lân, Tô Hoài... đến các nhà văn sau Cách mạng đến hết thế kỷ XX như: Nguyễn Văn Bổng, Chu Văn, Nguyễn Địch Dũng, Đào Vũ, Ngô Ngọc Bội, Vũ Thị Thường, Nguyễn Hữu Nhân, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Chu Văn, Nguyễn Trọng Oánh, Ma Văn Kháng, Nguyễn Mạnh Tuấn, Lê Lựu, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khắc Trường, Dương Hương, Tạ Duy Anh... đều khơi gợi nhiều vấn đề thú vị nhưng cũng không kém phần phức tạp của nông thôn Việt Nam đối với các nhà nghiên cứu. Trong giới hạn bài viết, chúng tôi chỉ khảo sát những nghiên cứu đối với các sáng tác về nông thôn trong những thập niên đầu thế kỷ XXI đến nay. Có thể kể đến những nghiên cứu như: *Nẻo vào văn xuôi đương đại Việt Nam* (Bùi Như Hải), “Tiểu thuyết 2009 trong chuyển động của tiểu thuyết Việt Nam mười năm đầu thế kỷ XXI” (Đỗ Hải Ninh), “Tiểu thuyết mở đầu thế kỷ XXI trong tiến trình văn học Việt Nam từ tháng 8/1945” (Phong Lê), “Giọng điệu trong một số tiểu thuyết Việt Nam viết về nông thôn (giai đoạn 1986 - 2010)” (Dương Minh Hiếu)... đều đã khái quát bước chuyển mình của tiểu thuyết viết về nông thôn sau đổi mới, nhất là thập niên đầu thế kỷ XXI.

Ngoài ra, cũng không ít những nghiên cứu tác giả, tác phẩm cụ thể đối với các sáng tác về đề tài nông thôn đương đại, tiêu biểu như các tác giả Ma Văn Kháng, Đinh Quang Tôn,

Hữu Đạt, Phong Thu có các bài nghiên cứu về giá trị của *Người giữ đình làng* in kèm trong tác phẩm, trong đó phải kể đến bài viết “Độc *Người giữ đình làng*” (Phong Thu) đã có những phân tích khá sâu sắc giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của cuốn tiểu thuyết. Tác phẩm *Dòng sông Mía* được nhiều nhà phê bình quan tâm, tiêu biểu là các bài “*Dòng sông Mía* của Đào Thắng hay tiếng nấc của dòng Châu Giang” (Trần Mạnh Hào) và “Trên đất nước ta có bao nhiêu làng mía?” (Hoàng Ngọc Hiến)... Tác phẩm *Dưới chín tầng trời* thu hút khá nhiều bài viết của các tác giả Phong Lê, Hoàng Ngọc Hiến, Bùi Việt Thắng, Hữu Tuân... Trong đó nổi bật là Hoàng Ngọc Hiến với bài “Cách nhìn của Dương Hương trong tiểu thuyết *Dưới chín tầng trời*” và Hữu Tuân trong “*Dưới chín tầng trời* - Bức tranh hiện thực hoành tráng”... Tác phẩm *Thần thánh và bướm bướm* ngay khi ra đời đã tạo được tiếng vang trong giới phê bình và bạn đọc. Đặc biệt là các ý kiến, tham luận của các nhà nghiên cứu, phê bình như Phong Lê, Hữu Thịnh, Đỗ Lai Thúy, Văn Chính, Hà Minh Đức, Văn Giá... trong buổi tọa đàm về tiểu thuyết *Thần thánh và bướm bướm* ngày 25/11/2011 do Hội Nhà văn tổ chức. Tiểu thuyết *Giã biệt bóng tối* (Tạ Duy Anh) cũng nhận được nhiều sự quan tâm và ý kiến đánh giá của các nhà phê bình.

Có thể nhận thấy rằng, vấn đề nghiên cứu tiểu thuyết viết về nông thôn đương đại đã được nhiều học giả quan tâm, với sự ghi nhận về thành công của các tác phẩm phản ánh đời sống nông thôn Việt Nam đương đại. Tuy nhiên, việc tiếp cận nông thôn từ góc nhìn văn hóa - cụ thể là những biến chuyển của làng quê Việt Nam về cả cấu trúc không gian và tâm thức cộng đồng trong bối cảnh xung đột giữa truyền thống với hiện đại, giữa bản sắc với nguy cơ tha hóa dưới tác động của đô thị hóa vẫn còn ít được quan tâm. Chính khoảng trống này là nền tảng để người viết đi sâu khám phá, từ đó nhận diện lại vị trí và giá trị của không gian làng trong đời sống xã hội đương đại.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Để tiếp cận vấn đề một cách hệ thống và toàn diện, bài viết sử dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau vừa đặc thù của ngành văn học, vừa có tính liên ngành nhằm tạo nên chiều sâu trong phân tích và mở rộng biên độ tiếp cận. *Phương pháp phân tích - tổng hợp văn học* được sử dụng chủ đạo trong bài viết. Thông qua việc bóc tách cấu trúc nghệ thuật của tác phẩm, bài viết hướng tới việc nhận diện rõ nét hình ảnh làng quê Việt Nam trong bối cảnh đô thị hóa: Sự biến đổi của không gian làng, sự phân rã của cấu trúc cộng đồng truyền thống, sự nổi bật của các yếu tố hiện đại hóa và tác động của kinh tế thị trường lên đời sống nông thôn. *Phương pháp so sánh - đối chiếu*: bài viết tiến hành đối chiếu giữa các tác phẩm đương đại cũng như trước đây viết về nông thôn, từ đó rút ra sự tương đồng và khác biệt trong cách các nhà văn phản ánh quá trình đô thị hóa làng quê. *Phương pháp tiếp cận liên ngành: văn hóa học - xã hội học*: đô thị hóa là một hiện tượng tổng hợp, gắn chặt với chuyển biến về không gian sống, cơ cấu xã hội, quan hệ cộng đồng, giá trị đạo đức và bản sắc văn hóa. Do đó, việc nghiên cứu đô thị hóa trong văn học không thể tách rời khỏi bối cảnh văn hóa - xã hội rộng lớn. Bài viết vận dụng các lý thuyết, quan điểm của văn hóa học và xã hội học để làm sáng tỏ những biểu hiện văn học của sự chuyển dịch giá trị, sự xung đột giữa truyền thống và hiện đại, giữa cái cũ và cái mới trong môi trường làng xã. Cách tiếp cận liên

ngành giúp bài viết không chỉ dừng lại ở mô tả hiện tượng văn học mà còn lý giải được chiều sâu xã hội - văn hóa của hiện tượng đó.

Thông qua sự kết hợp các phương pháp nghiên cứu nêu trên, bài viết không chỉ phân tích diện mạo làng quê Việt Nam trong tiểu thuyết đương đại, mà còn góp phần giải mã những hàm ý tư tưởng, những băn khoăn, trăn trở của các nhà văn về sự mất - còn của văn hóa làng trong thời đại đô thị hóa và toàn cầu hóa. Đồng thời, cũng gợi mở cách hiểu đa chiều về tiểu thuyết nông thôn hôm nay không chỉ như một thể loại, mà còn là một diễn ngôn văn hóa phản ánh những thay đổi sâu sắc trong cấu trúc đời sống nông thôn Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Làng quê - không gian của ký ức và bản sắc

Trong nhiều tiểu thuyết đương đại, làng quê hiện lên như một miền ký ức, nơi lưu giữ tinh thần dân tộc và những giá trị cội nguồn. Các tác phẩm như *Ở rơm* (Trần Quốc Tiến), *Người giữ đình làng* (Dương Duy Ngũ), *Cuồng phong* (Nguyễn Phan Hách), *Gia phả của đất* (Hoàng Minh Tường), *Chảy qua bóng tối* (Đỗ Phấn)... đã tái hiện làng quê như một không gian linh thiêng, nơi con người gắn bó không chỉ bằng huyết thống mà còn bằng tinh thần và niềm tin văn hóa, bằng tình yêu quê hương, gắn bó với quê cha đất tổ. Tình yêu ấy chảy trong huyết quản bà Đức Vĩnh (*Cuồng phong*) dù sống trong ngôi biệt thự tiện nghi ở trời tây vẫn chỉ nhớ về “những ngôi nhà mái ngói cổ rêu mốc âm u... Bà thềm tiếng chó sủa, tiếng gà gáy nào nùng trong nắng ban trưa, tiếng ghé con é ọ, tiếng trẻ con léo xéo ngoài ngõ...” [6; 358]. Tình yêu ấy còn kết tinh trong giáo Quý và những nhân vật trong *Người giữ đình làng* đã sống và chết cùng với ngôi đình - biểu tượng của ký ức văn hóa cộng đồng. Họ giữ đình làng không phải chỉ là việc giữ cái đình bằng hình hài vật chất, mà còn là giữ lấy tình làng nghĩa xóm, hòa khí dân tộc, khí phách của một cộng đồng làng xã. Tình yêu ấy âm ỉ trong trái tim Thành (*Ở rơm*) sau bao nhiêu năm miệt mài chôn thành thị hoa lệ, mỗi bữa cơm như bữa tiệc nhưng không sao tìm được hạnh phúc. Cho đến khi tóc trên đầu điểm bạc mới thực sự nhận ra nơi anh thuộc về là “nhà gianh, ổ rơm, cơm nắm”, là hương đồng gió nội. Và cái gốc của đời mình chính cái gốc đa xù xì “đã làm cho anh không sao biến thành người khác không phải là mình” [15; 526].

Đô thị hóa có thể biến người nông dân trở thành những “thị dân nửa nông dân” - những con người “không trùng khít với chính mình”. Nhưng dường như ở mỗi thị dân vẫn luôn có một “nhà quê” ở trong tâm tưởng. Cả lão Quảng và lão Hoạt (*Chảy qua bóng tối*) trở thành thị dân khi xóm Bến được nhập vào phường nhưng luôn thấy mình không thuộc về cái thành phố mà mình đang sống. Họ đều chán cuộc sống phố phường chật hẹp, bức bối khác hẳn với cuộc sống sông nước tự do trong quá khứ. Không còn nghe tiếng sóng sông dập dềnh hay những cơn gió dịu dàng thổi trong những khu vườn ngoài bãi... lão Quảng thấy như “vừa mất một cái gì ghê gớm lắm không thể tìm lại được” [11; 172]. Vũ Đình Cơ (*Gia phả của đất*) trở về làng sau nhiều năm ra phố làm một gã thị dân láu cá và mưu mẹo, nhưng cũng khựng lại khi mùi hương sen ngan ngát thoảng trong gió đồng gợi nhớ về tuổi thơ. Đứng trước người vợ cũ, ngôi nhà cũ, kẻ đã từng trốn chạy khỏi cánh đồng như Cơ bỗng thấy lòng se thắt. Trong thoáng chốc Cơ chợt nhận ra, dù mình “đã thuộc giai tầng khác, nhà lầu, xe máy, ăn sáng một

tô phở bằng năm cân gạo, uống bia chơi với bạn bè cũng gần bằng tạ lúa. Vậy mà sao Cơ chẳng có lúc nào thanh thản” [19; 520]. Đâu đó trong sâu thẳm những con người thị dân như Thành, Cơ, Quảng, Hoạt... cái vết dấu người nông dân, cái hồn vía nhà quê vẫn còn cựa quậy. Nhưng mình vào môi trường thành thị, người nông dân trở nên tha hóa (trở thành cái khác). Nhưng sâu thẳm trong tâm thức họ, những gì bình yên nhất của cánh đồng, chân đê, của dòng sông bên nước vẫn là nơi họ thuộc về. Làng quê như một không gian của ký ức và bản sắc đã tạo nên hình hài, cách đi đứng, nói năng, lối nghĩ không thể khác của những con người “sinh ra từ làng”. Từ những hình tượng như lão Quảng, lão Hoạt, Thành hay Vũ Đình Cơ... có thể thấy rằng đô thị hóa đã làm xáo trộn sâu sắc căn tính người nông dân khiến họ bị cuốn vào guồng quay của thành thị với những toan tính thực dụng. Song, họ vẫn không thể dứt bỏ cội rễ làng quê trong tâm hồn mình. Quê hương - với những gốc tre, bờ giậu, hương sen và tiếng gió đồng - trở thành miền ký ức nguyên sơ, nơi lưu giữ bản thể đích thực mà họ đã từng đánh mất hoặc đang khát khao kiếm tìm. Chính không gian làng quê ấy mới thực sự là nơi họ thuộc về, là bản sắc không thể hòa tan trong cuộc sống thị dân nhiều biến động hôm nay.

4.2. Sự va đập giữa truyền thống với hiện đại và những nỗ lực gìn giữ, tái thiết làng quê

Từ góc nhìn xã hội học, làng quê Việt Nam bao đời này vẫn được nhìn nhận ở tính thống nhất, ổn định với cảnh sắc tự nhiên thơ mộng, yên bình của cánh đồng, lũy tre, bờ giậu, bến đò, con đê... từ trong thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Khuyến... đến các nhà Thơ mới. Đô thị hóa xuất hiện trong các tiểu thuyết nông thôn đương đại không chỉ như một tiến trình phát triển tất yếu mà còn là lực lượng làm đảo lộn các trật tự giá trị truyền thống. Các tác phẩm như *Thần thánh và bướm bướm* (Đỗ Minh Tuấn), *Ao bèo gợn sóng* (Nguyễn Trung Tiết), *Chảy qua bóng tối* (Đỗ Phấn), *Ngày mai sương muối* (Trương Tư Tần Quỳnh), *Gia phả của đất* (Hoàng Minh Tường), *Bóng của cây sồi* (Đỗ Bích Thúy)... cho thấy rõ sự xung đột giữa truyền thống và hiện đại khi làng quê phải đối mặt với áp lực của đô thị hóa. Cánh đồng, đình làng, giếng nước... dần bị thay thế bằng công trình bê tông, khu công nghiệp phá hủy môi trường sinh thái tự nhiên nông thôn. Đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp thay thế bằng các khu đô thị đã đẩy người nông dân vào những tình cảnh rủi ro vì sinh kế. Người nông dân ngột ngạt và bị bức tử trong không gian do chính mình tạo dựng khiến họ mất phương hướng, dẫn đến khủng hoảng niềm tin và giá trị sống. “Con đường lát gạch nghiêng của làng Chì được đề lên bởi một lớp bê tông dày nửa gang tay chạy dọc từ chân đê đến cuối làng... Ao lớn được xấn ra thành nhiều ô cho thuyền tới mười năm...” [16; 287]. Sau những lũy tre xanh, cây đa đầu làng, cây gạo ven sông không còn “đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng”, mà lộ nhô những kiểu kiến trúc nham nhở dở phở dở làng làm méo mó cấu trúc cảnh quan nông thôn truyền thống: “Chỗ bốn mươi, năm mươi mét có mặt đường thì chồng diêm năm sáu tầng lên cao ngất ngểu như cây gậy để mở quán bar, karaoke” [19; 330].

Đô thị hóa hóa nông thôn đã “tấn công” trực diện vào các làng quê theo hai dạng: đô thị hóa theo phương thức chuyển xã thành phường, thị trấn và đô thị hóa theo phương thức thu hồi ruộng đất để xây dựng các khu công nghiệp và khu đô thị. Cả hai dạng này trở thành cú va đập mạnh mẽ đã làm thay đổi toàn diện và sâu sắc làng xã trên tất cả các mặt từ cơ cấu dân cư, kinh tế, xã hội đến văn hóa. Đây là thử thách khốc liệt hơn bất cứ thử thách nào mà

người nông dân đã trải qua trong hàng nghìn năm, bởi lần đầu tiên, những con người sinh ra từ làng ấy bị “đẩy” ra khỏi ruộng đất ngay trên quê hương mình tạo ra cú sốc về tâm lý, tình cảm. Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng nước khoáng nóng (*Ngày mai sương muối*) nhưng thực ra là chiếm đất một cách hợp pháp đã biến cánh đồng Mơ thành cánh đồng hoang gây ra bao nhiêu cảnh đau xót cho người dân làng Hà. Trước kia, mô hình sinh sống và sản xuất ở nông thôn chủ yếu là tự cung tự cấp. Nếu có trao đổi, giao lưu cũng đều trong phạm vi làng xã và kế thừa tập tục, thói quen của cha ông để lại. Nông thôn dưới tác động của kinh tế thị trường đã khác, sản xuất nông nghiệp truyền thống giảm trong khi các loại hình dịch vụ thương mại tăng nhanh, phạm vi quan hệ cộng đồng không còn bó hẹp nữa. Sau một đêm, xóm Bến (*Chảy qua bóng tối*) được nhập vào phường bên trong để thành một tổ dân phố, cái xóm ven đê nghiêm nhiên trở thành xóm liều, bãi rác, là nơi trú ngụ của dân ngụ cư với cave, trộm cắp và bảo kê bên bãi ở các vùng nông thôn tứ xứ dạt về. Đô thị hóa cũng khiến thôn Lao Chải (*Bóng của cây sồi*) xa xôi heo hút ở vùng đất cực Bắc không còn là một miền sơn cước yên tĩnh nữa, mà đầy hỗn tạp. Người ta đua nhau bán đất ruộng nương và chuyển nhà ra gần đường ô tô để buôn bán, “ngô lúa không muốn trồng nữa, cam quýt trong vườn bỏ mặc, gà vịt cũng không buồn cho ăn” [20; 173]. Sống bằng nghề nông nhưng người nông dân lại quay lưng với đồng ruộng. Sự giằng níu của những lễ thói xưa cũ và tác động của kinh tế thị trường tạo ra một khung cảnh hỗn độn với không ít bi kịch cho người nông dân.

Nhưng có lẽ, sự va đập mạnh mẽ giữa truyền thống với hiện đại và những nỗ lực gìn giữ, tái thiết làng quê được thể hiện rõ nét nhất trong *Thần thánh và bướm bướm* (Đỗ Minh Tuấn). Theo nhà nghiên cứu Trần Đình Sử, tác phẩm không chỉ là tiểu thuyết viết về người nông dân, nông thôn Việt Nam trong thời buổi kinh tế thị trường mà còn là tiểu thuyết về văn hoá Việt Nam, tâm thức Việt Nam. Từ dự án mua bán bộ hung và bướm bướm đến dự án xây sân golf của Đài Loan dẫn đến mâu thuẫn dờ khóc dờ cười do sự thiếu hiểu biết của người dân nông thôn, đỉnh điểm là cuộc xung đột giữa hai làng Đông Phúc và Tây Lợi quanh chuyện giải phóng mặt bằng xây sân golf. Những ngộ nhận nghiêm trọng đã khiến người nông dân lẫn lộn giữa việc gìn giữ, bảo vệ các giá trị truyền thống với hành vi mê tín dị đoan; giữa nỗ lực tái thiết, phát triển làng quê với hành động xâm hại, phá vỡ nghiêm trọng cảnh quan sinh thái đặc trưng của nông thôn. Những thanh niên làng Tây Lợi phát biểu với đầy tính mỉa mai: “Giữ làm gì cái chùa tối om, mù mịt, khói hương và toàn các bà già ê a lễ bái. Trên VTV3 người ta chiếu nhiều cảnh chơi tennis, chơi golf trên thế giới, chứ có mấy khi chiếu cảnh cầu kinh đâu” [17; 213]. Người dân tuy không hiểu biết về thị trường nhưng lại nôn nóng lao vào làm kinh tế thị trường; thiếu kiến thức khoa học, thiếu tư duy lý tính và hiểu biết về văn hóa, về giá trị, nhưng lại tự cho mình quyền phán xét và lựa chọn về các giá trị văn hóa nên dễ dàng bị lừa. Đó hoàn toàn là hệ quả của bản năng, lòng tham và thiếu hiểu biết mang lại. Nền kinh tế thị trường như một “thuốc thử” phơi bày sự thiếu hụt nghiêm trọng về tri thức văn hóa ở nông thôn. Người dân lao vào làm kinh tế bằng mê tín và ảo tưởng, thiếu hiểu biết thực sự về khoa học, thị trường và các giá trị bền vững. Chính sự ngộ nhận này khiến họ dễ dàng bị lừa bởi những dự án hoang đường từ bắt bộ hung, bướm bướm đến phá đình, phá chùa xây sân golf. Bằng giọng văn châm biếm và giễu nhại, tác giả khắc họa một cách sâu sắc những

lập luận nguy tạo đang chi phối nhận thức cộng đồng. Sự ngộ nhận của người dân được đẩy đến cực điểm khi họ tin rằng: “Hôm nay người ta mua bướm, mua bọ hung, ngày mai phát minh ra cái mới, người ta đổ xô đi mua ruồi, muỗi, thạch sùng, giun đất và bọ chó thì cứ gọi là cả làng cả xã làm không hết việc.”[17; 213]. Qua lời giễu nhại, tác phẩm của Đỗ Minh Tuấn cho thấy tư duy nguy biện đang hợp thức hóa hành vi phá hoại di sản dưới danh nghĩa phát triển: coi việc giữ gìn di sản là lạc hậu, còn quy hoạch, phá đình, phá cây là “trận Điện Biên Phủ” vì lợi ích chung. *Thần thánh và bướm bướm* đã khắc họa rõ nét bi kịch của một làng quê đang mất phương hướng giữa làn sóng hội nhập. Dù có phần cường điệu, nhưng chính sự cường điệu ấy khiến những nghịch lý thời cuộc hiện ra sắc nét và đáng suy ngẫm. Tác phẩm đã chỉ ra một sự thật cay đắng: trong bối cảnh hội nhập và chuyển mình theo kinh tế thị trường, văn hóa làng xã nếu không được trang bị đầy đủ tri thức và lý tính sẽ rất dễ rơi vào trạng thái hoang tưởng và bị thao túng. Dù có thể có ý kiến cho rằng Đỗ Minh Tuấn đã cường điệu hóa hiện thực, nhưng chính nhờ lối viết giễu nhại ấy mà những nghịch lý xã hội hiện lên một cách sinh động và đầy ám ảnh, khiến người đọc không thể không trầm trở về tương lai của nông thôn Việt Nam.

4.3. Tha hóa đạo đức lối sống và khủng hoảng bản sắc

4.3.1. Sự suy thoái nhân cách và băng hoại đạo đức lối sống

Mặt trái của quá trình đô thị hóa và tác động của cơ chế thị trường đang làm xói mòn nhiều giá trị văn hóa truyền thống ở nông thôn, kéo theo sự xuống cấp nghiêm trọng trong đạo đức và nhân cách của một bộ phận người dân. Nếu như hình ảnh người nông dân xưa gắn liền với sự thật thà, chất phác thì nay dần xuất hiện những biểu hiện lệch lạc, tha hóa bởi những hành vi lệch chuẩn, thể hiện rõ nét trong các tiểu thuyết nông thôn đương đại.

Những nhân vật như lão Tòng trong *Ma làng* hay mẹ con Ló trong *Ông Mạnh về làng* không chỉ đại diện cho sự lệch chuẩn về đạo đức mà còn cho thấy sự lan truyền của lối sống đồi trụy, thực dụng vào đời sống nông thôn. Lão Tòng mang về làng Lộc những băng đĩa đồi trụy đầu độc giới trẻ, khiến cả cô gái ngoan hiền như Mưa cũng lỡ bước, dẫn đến mang thai ngoài ý muốn. Mẹ con Ló bị cuốn vào đường dây môi giới mại dâm phục vụ cho những âm mưu đen tối của Lại và Ất. Trong *Thần thánh và bướm bướm*, nhân vật Thao từ việc sao chép hành vi lệch lạc đến việc mượn danh “thánh” để thực hiện hành vi phản đạo đức là minh chứng tiêu biểu cho sự tha hóa nhân cách. Tương tự, trong *Ngư phủ*, hành vi tình dục bừa bãi của các nhân vật như Hoa, Lưu cá ngựa hay Xoan là biểu hiện rõ ràng của sự suy đồi đạo đức, bị biến chất hoàn toàn bởi lối sống buông thả, thực dụng, bất chấp chuẩn mực đạo lý.

Ở góc nhìn khác, nhân vật Săk (*Giữa cỏi âm dương*) từ chỗ tò mò trước lối sống thị thành, dần bị cuốn vào vòng xoáy vật chất, dẫn đến trộm cắp, cướp giật. Trong *Gia phả của đất*, ba người con của ông Cản trở thành đại diện cho thế hệ hư hỏng, vương vào nghiện ngập, bài bạc. Dù ông Hai Sao là tỉnh ủy viên (*Đường tới hạnh phúc*), nhưng hai con trai Chiến và Thắng lại là hiện thân của lối sống trụy lạc, kéo theo cả thế hệ trẻ trượt dốc theo làm băng hoại đạo đức tại chính quê hương mình. Những nhân vật này không chỉ là cá biệt mà là biểu hiện rõ nét của một thực trạng đáng báo động trong đời sống nông thôn hiện đại. Trong làn sóng hội nhập và đô thị hóa, sự phát triển của công nghệ thông tin hiện đại đã mang lại nhiều

điều kiện thuận lợi để người dân tiếp thu tinh hoa của nhân loại. Song, người nông dân tiếp cận nhanh nhưng thiếu chọn lọc với những giá trị mới, dẫn đến đứt gãy những chuẩn mực văn hóa truyền thống, rối loạn hệ giá trị truyền thống. Hệ quả là các mối quan hệ xã hội, tình cảm gia đình, làng xóm bị lung lay bởi những thước đo giá trị mới, nơi mà vật chất và khoái lạc lấn át tình nghĩa, đạo lý, làm phai pha đi cốt lõi thuần hậu của văn hóa làng quê.

Tiểu thuyết viết về nông thôn đương đại không chỉ ghi nhận hiện thực, mà còn như hồi chuông cảnh tỉnh về sự xuống cấp đạo đức - một hiểm họa âm thầm nhưng sâu sắc - đang từng bước phá vỡ nền tảng văn hóa lâu đời của làng quê Việt Nam.

4.3.2. Hình thành lối sống cơ hội, thực dụng

Quá trình đô thị hóa và sự thâm nhập của cơ chế thị trường đã len lỏi vào làng quê, kéo theo đó là sự chuyển dịch mạnh mẽ trong tâm lý, lối sống của cộng đồng cư dân nông thôn, sản sinh ra một kiểu người nông dân mới - thực dụng, toan tính, coi trọng lợi ích cá nhân hơn cộng đồng. Tiểu thuyết viết về nông thôn đương đại đã khắc họa rõ nét sự biến đổi này.

Lại trong *Ông Mạnh về làng* là một minh chứng sống động cho hình mẫu con người cơ hội. Sau thất bại trong cuộc tranh quyền đoạt lợi tại làng Lộc, Lại rời làng ra đi và dần thích nghi, rồi hòa nhập với lối sống thành thị thực dụng. Quá trình lẫn lộn nơi “phố núi miền sơn cước” như tôi luyện cho Lại bản lĩnh mưu mẹo, thủ đoạn, giúp hắn leo lên vị trí lãnh đạo tỉnh bằng cách khai thác triệt để các mối quan hệ quyền - tiền. Khi trở về làng, Lại không chỉ mang theo danh vọng mà còn cả “virus” thực dụng, gieo mầm tha hóa cho đội ngũ cán bộ địa phương như Lúa, khiến cấu trúc đạo đức làng xã truyền thống rạn vỡ.

Trong *Thần thánh và bướm bướm*, Đỗ Minh Tuấn đã phác họa một xã hội nông thôn hỗn loạn, nơi mà những giá trị bị đảo lộn bởi lối sống thực dụng đến tận cùng. Nhân vật Giác là biểu tượng cho lớp thanh niên mất phương hướng, khủng hoảng bản sắc giữa cơn lốc hưởng thụ và mơ tưởng làm giàu. Giác mơ vật chất đã đẩy Giác trượt dài trong tội lỗi: từ ăn cắp vàng, giết người đến buôn ma túy. Những hành vi tha hóa ấy không phải ngẫu nhiên, mà bắt nguồn từ một môi trường bị đô thị hóa tác động nửa vời, nơi mà khát vọng đổi đời không đi kèm với nền tảng đạo đức vững chắc.

Gia phả của đất như một bản ký sự xuyên suốt qua các thế hệ nông dân làng Thanh Giang, tiếp tục mở rộng chân dung con người thực dụng qua nhân vật Nga - một điển hình của lớp “nông dân ra phố” làm giàu bằng mọi giá, luôn đặt lợi nhuận và tình dục lên hàng đầu. Tiền bạc và tình dục là hai trục chính điều khiển nhân cách nhân vật này. Tương tự, Đắc thay vì chăm chỉ lao động lại trượt dài trong sa ngã và mắc bệnh xã hội khiến vợ con gánh chịu hậu quả. Còn Quân và Hòa - thế hệ trẻ của làng quê - cũng lặp lại vòng xoáy ấy: từ khát vọng vượt nghèo đã từ bỏ lý tưởng học tập, chuyển sang buôn ma túy và lừa đảo xuất khẩu lao động. Những biến dạng trong nhân cách ấy phản ánh sự đổ vỡ của nền tảng văn hóa truyền thống trước sức ép vật chất. Những toan tính, mưu mô thực dụng ấy đã làm đảo lộn nhịp sống vốn bình yên của làng quê. Những chuẩn mực cũ sụp đổ, nền tảng văn hóa nông thôn bị lung lay, tâm lý người nông dân trở nên rối ren, bất ổn, mất phương hướng. Đô thị hóa dù mở ra cơ hội đổi đời, mở rộng tầm nhìn, nhưng cũng là cánh cửa đưa những lối sống ích kỷ, thực dụng xâm nhập vào tận gốc rễ làng xã khiến bản chất thuần nông trong người nông dân bị “tước đoạt”, thậm chí rơi vào tình cảnh khủng hoảng bản sắc, làm xói

mòn, suy yếu những gắn kết cộng đồng.

Trong *Dưới chín tầng trời*, nhân vật Đào Kinh là ví dụ điển hình cho người nông dân thời hiện đại biết “làm giàu bằng mọi giá”. Từ một gã chân đất mắt toét từng vào tù, Đào Kinh đã biết tận dụng mọi mối quan hệ và thủ đoạn để trở thành doanh nhân “trung tâm của thời đại”. Nhân vật này mang dáng dấp tổng hợp của Chí Phèo và Xuân Tóc Đỏ - vừa bị xã hội dồn ép đến bước đường cùng, vừa biết thức thời tận dụng thời cơ để bước lên đỉnh cao danh vọng. Nhưng Đào Kinh đã có những bước tiến xa hơn Xuân tóc đỏ và Chí Phèo khi biết thức thời để trở thành một “vĩ nhân. Sự “lên đời” của Đào Kinh càng trở nên hoàn chỉnh nhờ sự nâng đỡ của cô con gái hờ là Măng - người đàn bà quyền lực và thực dụng đến mức có thể sắp đặt cả bộ máy chính trị.

Nếu như trong các tiểu thuyết sau 1986 như *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, *Chuyện làng Cuội*, sự tha hóa còn giới hạn trong không gian làng xã thì ở tiểu thuyết đương đại, bước chân của người nông dân đã đi xa hơn - đến phố thị, mang theo cả những biến động trong tâm lý và lối sống. Hiện tượng “ly nông, ly hương” ngày càng phổ biến không chỉ như một chiến lược mưu sinh, mà còn là biểu hiện của khát vọng đoạn tuyệt với nghèo đói và những ràng buộc truyền thống. Mô típ “ra đi - lập nghiệp - trở về làng trong danh vọng” xuất hiện lặp đi lặp lại trong nhiều tác phẩm như *Gia phả của đất*, *Cuồng phong*, *Dưới chín tầng trời*, *Ông Mãnh về làng...*

Tiểu thuyết viết về nông thôn đương đại đã không chỉ dừng lại ở việc miêu tả bức tranh hiện thực, mà còn đi sâu vào thế giới nội tâm của người nông dân giữa dòng chảy của thời đại. Những biến động tâm lý, sự phân mảnh giá trị, những ngã rẽ đạo đức và ứng xử... được khắc họa chân thực như một kết quả tất yếu của tiến trình lịch sử và đô thị hóa. Dù là hiện tượng tiêu cực, nhưng lối sống cơ hội, thực dụng trong các tác phẩm cũng là tiếng chuông cảnh tỉnh về sự cần thiết phải giữ gìn bản sắc, đạo lý trong hành trình phát triển làng quê hiện đại.

5. Thảo luận

Đô thị hóa trong các tiểu thuyết viết về nông thôn đương đại không chỉ được nhìn nhận như một biến chuyển thuần túy về cảnh quan hay lối sống, mà đã trở thành một tiến trình có tính chất phân tầng sâu sắc, tác động đồng thời đến cấu trúc vật chất và tâm thức cộng đồng làng xã. Các nhà văn đương đại đã tái hiện diện mạo làng Việt không chỉ ở bề nổi hiện thực mà còn ở chiều sâu của những xung đột nội tại: giữa cái cũ và cái mới, truyền thống và hiện đại, đạo lý cộng đồng và lợi ích cá nhân. Làng quê trong tiểu thuyết đương đại hiện lên như một không gian đa chiều - nơi cất giữ ký ức văn hóa dân tộc, nhưng cũng là nơi chịu tổn thương trước sự xâm nhập của các yếu tố ngoại sinh như cơ chế thị trường, lối sống thực dụng và đứt gãy các giá trị truyền thống. Chính sự chuyển động không đồng đều ấy đã làm nảy sinh những va đập dữ dội trong cấu trúc xã hội nông thôn: giữa các thế hệ, giữa người giữ gìn cội rễ với kẻ đánh đổi truyền thống để mưu cầu lợi ích vật chất, giữa ký ức và hiện thực đang ngày một chồng lấn, xung khắc. Mỗi tác phẩm vì thế là một diễn ngôn phản tư và cảnh tỉnh không chỉ về số phận làng quê trong tiến trình hiện đại hóa, mà còn về bản sắc văn hóa đang bị đe dọa mai một. Trong giới hạn một bài nghiên cứu, việc lý giải toàn diện những tầng nghĩa phức tạp mà các nhà văn gửi gắm là điều không dễ. Song chính điều đó lại mở ra nhiều hướng

tiếp cận hấp dẫn, khẳng định rằng nghiên cứu về làng Việt trong tiểu thuyết nông thôn đương đại vẫn còn là một mạch nguồn phong phú cho những nỗ lực khám phá tiếp theo.

6. Kết luận

Tiểu thuyết viết về nông thôn đương đại không chỉ đơn thuần ghi lại những đổi thay về mặt không gian, cảnh quan hay cấu trúc hành chính của làng quê, mà sâu xa hơn, đã khắc họa một cách sắc nét những chuyển biến phức tạp trong đời sống tinh thần, văn hóa và tâm lý con người. Làng Việt - vốn từng được xem là biểu tượng của sự yên bình, thuần hậu và gắn bó cộng đồng - nay trở thành phong nền cho những cuộc giằng co dữ dội giữa các giá trị cũ và mới, giữa truyền thống bền chặt và làn sóng hiện đại hóa mạnh mẽ. Không gian làng không còn là nơi khép kín, ổn định như trong các tác phẩm văn học trước 1986, mà trở thành “chiến địa” của những xung đột nội tâm và xã hội gay gắt: người dân phải vật lộn giữa ký ức tập thể và hiện thực đời sống, giữa đạo lý tổ tiên và những cám dỗ thực dụng của thời kinh tế thị trường. Những mâu thuẫn ấy không chỉ thể hiện trong mối quan hệ giữa người với người, giữa các thế hệ, mà còn là sự đứt gãy ngay trong mỗi cá nhân - nơi con người tự chất vấn chính mình về giá trị sống, về lương tri và căn cước văn hóa.

Đô thị hóa, xét trên phương diện xã hội, đã mang đến nhiều cơ hội: mở rộng giao thương, cải thiện hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất. Tuy nhiên, đồng thời nó cũng đặt ra những thách thức lớn đối với cấu trúc tinh thần của làng Việt - một cấu trúc được hình thành và gìn giữ qua hàng nghìn năm với những giá trị gắn bó máu thịt như: tính cộng đồng, lòng hiếu nghĩa, tín ngưỡng dân gian, tập quán canh tác, sinh hoạt làng xã. Khi những giá trị này bị xói mòn hoặc thay thế bởi lối sống thực dụng, vị kỷ, tôn thờ vật chất, làng quê không còn là nơi “trở về” của tâm hồn mà trở thành không gian bị tha hóa.

Văn học, đặc biệt là thể loại tiểu thuyết - với đặc tính dung nạp được chiều sâu tâm lý và chiều rộng hiện thực - đã trở thành phương tiện hữu hiệu để các nhà văn không chỉ phản ánh những chuyển động nội tại của làng quê trong thời đại mới, mà còn gióng lên hồi chuông cảnh báo về nguy cơ đánh mất “cái hồn làng” - một phần quan trọng của bản sắc dân tộc. Họ đồng thời đặt ra trách nhiệm lịch sử đối với từng con người trong hành trình hiện đại hóa: đó là không thể phát triển bằng mọi giá nếu phải đánh đổi bằng sự tha hóa đạo đức, sự tan vỡ cộng đồng và sự lãng quên cội rễ.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đào Duy Anh (2000), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [2]. Trần Lê Bảo (2011), *Giải mã văn học từ mã văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Lâm Bình, Nguyễn Lâm Thắng (chủ biên; 2013), *Lời người man di hiện đại - Phong tục và thiết chế của người An Nam*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Văn Dân (2012), *Văn hóa và phát triển*. Nxb Khoa học Xã hội.
- [5]. Hoàng Cẩm Giang (2015), *Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỉ XXI, cấu trúc và khuynh hướng*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Phan Hách (2008), *Cuồng phong*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [7]. Dương Hương, (2007), *Dưới chín tầng trời*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

- [8]. Thu Loan (2004), *Giữa cõi âm dương*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
- [9]. Phong Lê (2010), *Văn học Việt Nam hiện đại - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Giáo dục.
- [10]. Dương Duy Ngũ (2002), *Người giữ đình làng*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
- [11]. Đỗ Phấn (2011), *Chạy qua bóng tối*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [12]. Trịnh Thanh Phong (2002), *Ma làng*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [13]. Trịnh Thanh Phong (2011), *Ông Mãnh về làng*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [14]. Trương Tư Tần Quỳnh (2017), *Ngày mai sương muối*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [15]. Trần Quốc Tiến (2002), *Ở rom*, Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội.
- [16]. Lê Trung Tiết (2006), *Ao bèo gợn sóng*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [17]. Đỗ Minh Tuấn (2009), *Thần thánh và bướm bướm*, Nxb Văn học, Hà Nội
- [18]. Hoàng Minh Tường (2005), *Ngư phủ*, Nxb Công an nhân dân, TP. Hồ Chí Minh.
- [19]. Hoàng Minh Tường (2013), *Gia phả của đất*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [20]. Đỗ Bích Thúy (2014), *Bóng của cây sồi*, Nxb Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh.
- [21]. Đỗ Lai Thúy (2015), *Văn hóa làng và vấn đề phát triển*. Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*.

LÀNG VIỆT VÀ QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA TRONG TIỂU THUYẾT VIẾT VỀ NÔNG THÔN ĐƯƠNG ĐẠI

Hoàng Thị Kim Oanh

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: hoangthikimoanh@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/7/2025

Ngày phản biện: 12/7/2025

Ngày tác giả sửa: 20/7/2025

Ngày duyệt đăng: 24/7/2025

Ngày phát hành: 31/7/2025

Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ sau đổi mới đã tạo nên những biến động sâu sắc trong đời sống nông thôn Việt Nam, để lại dấu ấn đậm nét trong văn học đương đại, đặc biệt là ở thể loại tiểu thuyết viết về nông thôn. Làng quê Việt Nam từng là biểu tượng của sự bền vững, truyền thống, nay đã và đang chứa đựng những xung đột văn hóa, những giằng xé giữa giá trị cũ và mới, giữa bản sắc và sự biến dạng. Bài viết tập trung khảo sát một số tiểu thuyết viết về nông thôn tiêu biểu trong khoảng hai mươi năm đầu thế kỷ XXI nhằm làm nổi bật cách các nhà văn phản ánh tiến trình đô thị hóa tác động đến làng Việt: không chỉ ở cấu trúc kinh tế - xã hội mà còn ở chiều sâu văn hóa và tâm thức cộng đồng. Qua đó, bài viết góp phần soi chiếu lại những biến đổi của không gian làng quê Việt Nam trong bối cảnh đô thị hóa nông thôn hiện nay.

Từ khóa: Làng Việt; Đô thị hóa; Tiểu thuyết; Nông thôn đương đại; Văn học Việt Nam.